

Bản án số: 236/2022/HC-PT

Ngày 23-9-2022.

V/v: Khiếu kiện hành vi hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**.

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn T4 Trường**.

Ông **Nguyễn Cường**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Quang Toàn** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Đỗ Xuân Ân** - Kiểm sát viên.

Ngày 23-9-2022, tại trụ sở. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 71/2022/TLPT-HC ngày 18-4-2022 về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 99/2022/HC-ST ngày 20-12-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2240/2022/QĐ-PT ngày 06-9-2022, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: Tổ 9, thôn T2 (thôn TK cũ), xã C, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Viết D, sinh năm 1957; cùng địa chỉ cư trú: Tổ 9, thôn T2 (thôn TK cũ), xã C, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

Luật sư **Trương Văn D** - Văn Phòng Luật sư TD thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: Số 165 đường T, phường T1, quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt (trước khi xét xử phúc thẩm có đơn từ chối bảo vệ quyền và lợi ích của người khởi kiện).

- *Người bị kiện:* **Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H1**, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: Số 09 đường T3, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 23-11-2021):

Ông Nguyễn Minh L - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H1, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Vương Quốc H2 - Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H1, có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Nguyễn Năng Đ - Cán bộ Ban Quản lý dự án và Quỹ đất thành phố H1, có mặt tại phiên tòa.

3. Ông Mai Kim P - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, thành phố H1, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn T4, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Tổ 9, thôn T2 (thôn TK cũ), xã C, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

2. Bà Võ Thị T5, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Tổ 9, thôn T2 (thôn TK cũ), xã C, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người khởi kiện trình bày:

Năm 1985 - 1986, vợ chồng ông Nguyễn Viết D, Nguyễn Thị L khai hoang diện tích 308 m² đất, thuộc thửa đất số 138/1, tờ bản đồ số 4, liền kề với đất thổ cư của gia đình mình để trồng quýt, hoa màu. Đến đầu năm 2003, ông D đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký giao đất và đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là Giấy CNQSDĐ), nhưng được chính quyền địa phương thông báo cần quy hoạch, nên tạm thời chưa giải quyết. Tuy nhiên, thửa đất trên hộ gia đình ông D vẫn liên tục sử dụng ổn định từ năm 1986 cho đến nay, không có tranh chấp.

Đầu năm 2010, dự án Khu dân cư TK triển khai thực hiện, hộ gia đình ông D bị cản đường quy hoạch dân cư rộng 13,5 m, diện tích thu hồi là 94,2 m² (phần diện tích thu hồi này không nằm trong diện tích khai hoang lập vườn 308 m² do gia đình ông D quản lý). Do không nắm thông tin về quy hoạch, nên trong lúc thực hiện các yêu cầu của Ban Quản lý dự án tại Khu dân cư TK, gia đình ông D liên hệ với nhà đầu tư dự án về việc giải quyết thửa đất vườn 308 m², thì phía nhà đầu tư dự án cho biết thửa đất vườn 308 m² không nằm trong quy hoạch dự án Khu dân cư TK.

Như vậy, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố H1 chỉ ban hành 05 quyết định thu hồi đất của gia đình ông D, với tổng diện tích là 528,6 m² liên quan đến dự án Khu dân cư TK, xã C và hoàn toàn không có quyết định thu

hồi diện tích thửa đất vườn 308 m² nằm liền kề với khu đất ở của gia đình. Dự án thu hồi hơn 500 m² đất, trong đó có gần 200 m² đất ở nông thôn, nhưng không bố trí tái định cư cho hộ gia đình ông D là không đúng quy định pháp luật. Ông D đã nhiều lần làm đơn khiếu nại đến UBND thành phố H1 về việc tự ý thu hồi 308 m² đất vườn và không bố trí đất tái định cư cho gia đình ông D khi thu hồi hơn 500 m² đất ở, đất vườn gây thiệt hại đến quyền lợi của hộ ông D, nhưng UBND thành phố H1 vẫn không giải quyết.

Do đó, ông Nguyễn Viết D, bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Chủ tịch UBND thành phố H1 giải quyết khiếu nại cho vợ chồng ông (đối với thửa đất số 138/1, tờ bản đồ số 4, diện tích 308 m²) theo đúng quy định của pháp luật.

- *Người bị kiện trình bày:*

Quá trình phát sinh và xử lý đơn của ông Nguyễn Viết D, bà Nguyễn Thị L: Công tác thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà Nguyễn Thị L bị ảnh hưởng bởi dự án Khu dân cư TK, xã C đã được Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố H1 thực hiện xong năm 2014, cụ thể: Hộ bà L đã được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư 06 thửa, trong đó có thửa đất số 138/1, tờ bản đồ số 4, diện tích 308 m². Hộ bà L đã ký nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và có đơn đề nghị xác nhận đã bàn giao toàn bộ diện tích đất bị ảnh hưởng dự án vào ngày 24-12-2014; đồng thời, hộ bà L đã nhận tiền thưởng chấp hành tốt giải phóng mặt bằng (Giấy nhận tiền ngày 24-12-2014).

Tuy nhiên, đến ngày 15-11-2017 (trên 34 tháng), bà Nguyễn Thị L mới có đơn khiếu nại liên quan đến việc thu hồi, bồi thường tại thửa đất số 138/1, tờ bản đồ số 4, diện tích 308 m² là đã hết thời hiệu khiếu nại (quá 90 ngày). Do đó, Chủ tịch UBND thành phố H1 ban hành Thông báo số 51/TB-UBND ngày 19-01-2018 không thụ lý giải quyết khiếu nại là đúng quy định tại khoản 6 Điều 11 của Luật Khiếu nại năm 2011.

Ngày 05-02-2018, bà Nguyễn Thị L tiếp tục làm đơn khiếu nại có cùng nội dung đơn đề ngày 15-11-2017. Ngày 13-3-2018, UBND thành phố H1 ban hành Phiếu chuyển trả đơn số 352/PC-UBND với lý do: Đơn khiếu nại của bà L đã được Chủ tịch UBND thành phố H1 xử lý tại Thông báo số 51/TB-UBND ngày 19-01-2018 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại. Ông Nguyễn Văn Dũng (chồng bà L) đã nhận lại đơn, kèm theo Phiếu chuyển trả đơn số 352/PC UBND ngày 13-3-2018 (qua báo phát của Bưu điện).

Sau đó, bà Nguyễn Thị L nhiều lần có đơn (có cùng nội dung đơn đề ngày 15-11-2017) gửi đến nhiều cơ quan (Đơn tố cáo ngày 27-7-2018, Đơn khiếu nại (lần 3) ngày 16-4-2020, Đơn kiến nghị khẩn cấp ngày 12-7-2020 là xuất phát từ việc khiếu nại Thông báo số 51/TB-UBND ngày 19-01-2018 của Chủ tịch UBND thành phố H1 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại), thì bản chất vụ việc vẫn là khiếu nại nhưng đã hết thời hạn, thời hiệu theo quy định tại khoản 6 Điều 11 của Luật Khiếu nại năm 2011, nên xếp lưu đơn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28 Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31-10-2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị. Việc người khởi

kiện yêu cầu Tòa án buộc Chủ tịch UBND Thành phố H1 giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật là đồng nghĩa với việc buộc Chủ tịch UBND thành phố H1 thụ lý (ban hành thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại), xác minh, kết luận và ra quyết định giải quyết khiếu nại (theo quy định tại khoản 11 Điều 2 của Luật Khiếu nại năm 2011).

Từ các căn cứ trên cho thấy yêu cầu của người khởi kiện là không có căn cứ, việc Chủ tịch UBND thành phố H1 ban hành Thông báo số 51/TBUBND ngày 19-01-2018 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại, Phiếu chuyển trả đơn số 352/PC-UBND vào ngày 17-3-2018 và xếp lưu đơn là đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn T4 và bà Võ Thị T5 Cùng trình bày:

Gia đình ông, bà ở trong diện giải tỏa đền bù của Khu dân cư TK, xã C, thành phố H1. Sau khi Ban Quản lý dự án thu hồi, giải tỏa 1.916 m² của gia đình ông, bà đã quyết định giao cho gia đình ông, bà nhận sang thửa đất của gia đình bà Nguyễn Thị L có diện tích 108 m² đất (cũng đã đền bù cho bà L) để liền kề và chỉnh lý Giấy CNQSDĐ cho gia đình. Vì vậy, ông bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 99/2022/HC-ST ngày 20-12-2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam:

Căn cứ khoản 3 và 4 Điều 3, Điều 116, Điều 158, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 9 của Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Viết D về yêu cầu buộc Chủ tịch UBND thành phố H1 giải quyết khiếu nại cho bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Viết D theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 21-12-2021, bà Nguyễn Thị L kháng cáo; ngày 25-12-2021, ông Nguyễn Viết D kháng cáo, cùng nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ngày 21-12-2021 và ngày 25-12-2021, người khởi kiện kháng cáo bản án; đơn kháng cáo của đương sự là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử

phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị L vắng mặt, không có lý do, ông Nguyễn Viết D có mặt và giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện; người bị kiện vắng mặt, nhưng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Như vậy, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm d khoản 1 Điều 229, khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị L.
- Không chấp kháng cáo của ông Nguyễn Viết D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Viết D:

[2.1]. Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Viết D khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Chủ tịch UBND thành phố H1 giải quyết khiếu nại cho vợ chồng ông, bà đối với thửa đất số 138/1, tờ bản đồ số 4, diện tích 308 m² theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, đây là khiếu kiện hành vi hành chính, nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đơn khởi kiện còn trong thời hiệu nên thụ lý và xác định quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án là “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 158 của Luật Tổ tụng hành chính.

[2.2]. Về nội dung:

Ngày 15-11-2017, bà Nguyễn Thị L có đơn khiếu nại, yêu cầu UBND thành phố H1 xem xét giải quyết khiếu nại của bà liên quan đến việc thu hồi diện tích 308 m² đất vườn, thuộc thửa đất số 138/1, tờ bản đồ số 4 tại thôn TK, xã C, thành phố H1 mà gia đình bà khai hoang sử dụng khi thực hiện dự án Khu dân cư TK, xã C, thành phố H1; ngày 19-01-2018, Chủ tịch UBND thành phố H1 ban hành Thông báo số 51/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu) của bà Nguyễn Thị L, với lý do đã hết thời hiệu khiếu nại. Sau đó, bà Nguyễn Thị L tiếp tục gửi đơn khiếu nại và đến ngày 13-3-2018, UBND thành phố H1 ban hành Phiếu chuyển trả đơn số 352/PC-UBND với lý do: Đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị L đã được Chủ tịch UBND thành phố H1 xử lý tại Thông báo số 51/TB-UBND ngày 19-01-2018.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, khi thực hiện dự án Khu dân cư TK tại xã C, thành phố H1 theo Quyết định phê duyệt dự án số 4996/QĐ-UB ngày 14-11-2003 và Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết số 3157/QĐ-UB ngày 01-8-2003 của UBND tỉnh Quảng Nam. Ngày 12-11-2012, UBND thành phố H1 ban hành Quyết định thu hồi đất số 1009/QĐ-UBND và ngày 04-9-2013, ban hành Quyết định điều chỉnh quyết định thu hồi đất số 812/QĐ-UBND thu hồi diện tích 94,2

m² (gồm 88,3 m² loại đất ở tại nông thôn và 5,9 m² loại đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc từ đất vườn, ao gắn liền với đất ở); Quyết định số 1024/QĐ-UBND ngày 12-11-2012 và Quyết định điều chỉnh quyết định thu hồi đất số 811/QĐ-UBND ngày 04-9-2013 thu hồi diện tích 38,1 m² (gồm 2,4 m² loại đất ở tại nông thôn và 35,7 m² loại đất trồng cây lâu năm, có nguồn gốc từ đất vườn, ao gắn liền với đất ở) thuộc thửa đất số 1004, tờ bản đồ số 04; Quyết định thu hồi đất số 1022/QĐ-UBND ngày 12-11-2012 thu hồi diện tích 149 m² loại đất trồng cây hàng năm thuộc thửa đất số 597, tờ bản đồ số 04; Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 12-11-2012 thu hồi diện tích 70 m² loại đất trồng cây hàng năm, thửa đất số 171A/3, tờ bản đồ số 04; Quyết định số 1042/QĐ-UBND ngày 12-11-2012 thu hồi diện tích 64 m² loại đất trồng cây hàng năm, thửa đất số 93/6, tờ bản đồ số 04 tại xã C, thành phố H1 của hộ bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Viết D. Sau khi thu hồi đất, UBND thành phố H1 đã tiến hành bồi thường, tái định cư cho gia đình bà Nguyễn Thị L. Tại Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ngày 24-12-2014, bà Nguyễn Thị L đã được UBND thành phố H1 bồi thường toàn bộ diện tích đất đã bị thu hồi theo các quyết định nêu trên; đồng thời, gia đình bà Nguyễn Thị L còn được bồi thường bằng tiền đối với diện tích 308 m² đất tại thửa đất số 138/1, tờ bản đồ số 04 (bồi thường về nhà cửa, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu và các khoản hỗ trợ, khen thưởng).

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Viết D cho rằng, UBND thành phố H1 không ban hành quyết định thu hồi, bồi thường và hỗ trợ đối với diện tích 308 m² tại thửa đất số 138/1, tờ bản đồ số 04, loại đất trồng cây lâu năm cho gia đình bà, nên ngày 15-11-2017, bà Nguyễn Thị L làm đơn khiếu nại. Tuy nhiên, căn cứ Biên bản làm việc ngày 08-12-2014, biên bản làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng thành phố H1 (bút lục số 235) và Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ngày 24-12-2014, Giấy nhận tiền ngày 24-12-2014, Đơn xin xác nhận của bà Nguyễn Thị L ngày 24-12-2014, có nội dung *“Việc tôi đã bàn giao toàn bộ tài sản bị ảnh hưởng là đúng sự thật và đúng tiến độ đề ra để tôi được nhận tiền khen thưởng khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định”* (bút lục số 153 - 157), có đủ căn cứ để khẳng định bà Nguyễn Thị L đã biết thửa đất số 138/1, tờ bản đồ số 4, diện tích 308 m² đã được thu hồi, bồi thường.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 10-3-2021 (bút lục số 134) và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Viết D thừa nhận, ngày 24-02-2017, khi nhận được hồ sơ thu hồi, bồi thường từ Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng H1, ông đã biết diện tích đất 308 m² thuộc thửa đất số 138/1, tờ bản đồ số 4 chưa có quyết định thu hồi đất. Như vậy, ông Nguyễn Viết D đã biết quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông bị ảnh hưởng từ ngày 24-02-2017, do đó ngày 15-11-2017, bà Nguyễn Thị L đại diện gia đình làm đơn khiếu nại yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố H1 giải quyết khiếu nại về việc thu hồi bồi thường diện tích 308 m² thuộc thửa đất số 138/1 là đã hết thời hiệu khiếu nại (quá 90 ngày).

Như vậy, từ tháng 12-2014 và muộn nhất là đến tháng 4-2017, hộ gia đình bà Nguyễn Thị L đã biết các thửa đất của gia đình mình đã bị thu hồi, được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, trong đó có thửa đất số

138/1, tờ bản đồ số 04, diện tích 308 m² tại xã C, thành phố H1, nhưng đến ngày 15-11-2017, bà Nguyễn Thị L mới khiếu nại việc thu hồi, bồi thường và tái định cư liên quan đến thửa đất số 138/1, tờ bản đồ số 04 là hết thời hiệu khiếu nại theo quy định tại Điều 9 của Luật Khiếu nại năm 2011. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố H1 ban hành Thông báo số 51/TB-UBND ngày 19-01-2018 về việc không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu) của bà Nguyễn Thị L là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Viết D là đúng pháp luật.

Như vậy, kháng cáo của bà ông Nguyễn Viết D đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét và không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị L:

Ngày 21-12-2021, bà Nguyễn Thị L kháng cáo bản án sơ thẩm, nhưng tại phiên toà phúc thẩm ngày hôm nay (23-9-2022), bà Nguyễn Thị L vẫn vắng mặt không có lý do. Xét thấy, đây là phiên toà mở lần thứ tư, bà Nguyễn Thị L vắng mặt và việc vắng mặt này không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, căn cứ điểm d khoản 1 Điều 229 của Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị L.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông Nguyễn Viết D phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 229, của Luật Tổ tụng hành chính.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị L.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

- Bác kháng cáo của người khởi kiện là bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Viết D.

- Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 99/2022/HC-ST ngày 20-12-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 9 của Luật Khiếu nại năm 2011, xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Viết D về yêu cầu buộc Chủ tịch UBND thành phố H1 giải quyết khiếu nại cho bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Viết D theo đúng quy định của pháp luật.

3. Các quyết định khác được thực hiện theo Bản án hành chính sơ thẩm số 99/2022/HC-ST ngày 20-12-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Viết D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm

nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000074 ngày 03-01-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam, nay được chuyển thành án phí; bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Viết D đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- TANDTC - Vụ III;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- UBND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường